

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2019

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Tám**

2. Ông **Lê Văn Lâu**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Mai Thị Út** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 745/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2018 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thái Thị Bé Q**, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Q có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thái Thị Bé Q trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2004, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới về anh, chị chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài dẫn đến anh, chị tự cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay khoảng 01 năm. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau. Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 17/03/2003. Hiện con chung do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

\* Bị đơn anh Nguyễn Văn T không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện.

Tại phiên tòa, chị Q vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên. Anh T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các biên bản trong hồ sơ không ghi cụ thể thời gian lập và kết thúc, chỉ ghi ngày tháng năm lập biên bản; biên bản niêm yết văn bản tố tụng do văn phòng thừa phát lại lập ngày 19/12/2018 không ghi cụ thể thời gian lập và kết thúc, có nội dung bị tẩy xóa nhưng không thể hiện việc xác nhận là chưa đảm bảo tính khách quan và tính hợp pháp của biên bản. Bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án. Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn là có căn cứ đồng thời phân tích nhiều lý lẽ khác đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về việc anh T vắng mặt*: Xét thấy, anh T là bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ để xét xử việc chị Q kiện đến lần thứ hai, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Q có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân và nuôi con chung của chị và anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện C, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Q có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung giữa chị và anh T nên xác định đây là tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 164/2007 ngày 21/8/2007, xác định hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Theo lời chị Q khai anh, chị chung sống đến khoảng năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng khoảng 01 năm nay. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau. Còn anh T vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ việc chị Q xin ly hôn, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Q, đồng thời xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi cho mình. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q và cho chị Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh, chị có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bích N, ngày 17/03/2003. Hiện con chung do chị Q đang nuôi dưỡng từ khi anh, chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay đã ổn định. Hơn nữa, qua lời khai tham khảo con chung anh, chị cũng có ý kiến mong muốn được sống với chị Q, nên tiếp tục giao con chung cho chị Q nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Q không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

[3]. Về án phí: Chị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Q, anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Xử:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thái Thị Bé Q.

Cho chị Thái Thị Bé Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2]. Về con chung:

- Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thị Bích N, ngày 17/03/2003 cho chị Q nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra xem xét do chị Q không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

[3]. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí:

- Chị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09433 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên xem như chị Q đã thi hành xong phần án phí.

[6]. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Anh T được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**PHẠM VĂN NHỊN**